

Bản án số: 382/2024/HC-PT

Ngày: 25 - 9 - 2024

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Lê Tự

 ông Phạm Ngọc Thái

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 160/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2024/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1876/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1- *Người khởi kiện:*

1.1. Bà **Trịnh Thị T**; địa chỉ: **Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

1.2. Ông **Nguyễn Ngọc Đ**;

1.3. Bà **Nguyễn Thị H**;

1.4. Bà **Bùi Thị Minh T1**;

Cùng địa chỉ: **Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện: ông **Phan Xuân H1**; địa chỉ: **Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2- *Người bị kiện:* **Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Đại T2** - Phó Chủ tịch UBND; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông **Trương Văn C** - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông **Võ Quang H2** - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt.

3. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà **Trịnh Thị T** trình bày:

Ngày 07/12/2021, UBND **thành phố B** ban hành Quyết định số: 8731/QĐ-UBND, thu hồi 123,9m² đất của gia đình bà (trong đó có 75 m² đất ở) thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 60, tại **thôn C, xã H, thành phố B**, để thực hiện công trình **đường Đ, thành phố B**. Tại thời điểm gia đình bà bị thu hồi đất, khu đất tái định cư được xây dựng tại **xã H, thành phố B** chưa hoàn thành; Năm 2022, khu đất tái định cư tại **xã H** được xây dựng hoàn thiện, nhiều hộ gia đình có đất bị thu hồi tại **xã H** đã được giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất, theo giá đất tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND **tỉnh Đ**; Gia đình bà, đã nhiều lần làm đơn yêu cầu UBND **thành phố B**, giao cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận với lý do: Gia đình bà còn đất ở khác, trên địa bàn **xã H, thành phố B**. Tuy nhiên, quỹ đất tái định cư trên địa bàn **thành phố B** hiện nay còn nhiều, chưa được giao cho ai. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì gia đình bà đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND **thành phố Buôn Ma T3**, phải giao cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư, áp dụng giá theo Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND **tỉnh Đ**.

- Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông **Nguyễn Ngọc Đ** trình bày:

Ngày 12/11/2021, UBND **thành phố B** ban hành Quyết định số: 7992/QĐ-UBND, thu hồi 496,3m² đất của gia đình ông (trong đó có 146,3m² đất ở) thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 59 -1, tại **xã H, thành phố B**, để thực hiện công trình **đường Đ, thành phố B**. Tại thời điểm gia đình ông bị thu hồi đất, khu đất tái định cư được xây dựng tại **xã H, thành phố B** chưa hoàn thành; Năm 2022, khu đất tái định cư tại **xã H** được xây dựng hoàn thiện, nhiều hộ gia đình có đất bị thu hồi tại **xã H**, đã được giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất, theo giá đất tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND **tỉnh Đ**; Gia đình ông, đã nhiều lần làm đơn yêu cầu UBND **thành phố B**, giao cho gia đình ông 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận với

lý do: Gia đình ông còn đất ở khác, trên địa bàn **xã H, thành phố B**. Tuy nhiên, quỹ đất tái định cư trên địa bàn **thành phố B** hiện nay còn nhiều, chưa được giao cho ai. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì gia đình ông đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND thành phố **Buôn Ma T3**, phải giao cho gia đình ông 01 thửa đất tái định cư, áp dụng giá theo Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của **UBND tỉnh Đ**.

- Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà **Nguyễn Thị H** trình bày:

Ngày 28/9/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 6819/QĐ-UBND, thu hồi 469,9m² đất của gia đình bà (trong đó có 100m² đất ở) thuộc thửa đất số 6 -1, tờ bản đồ số 58, tại **xã H, thành phố B**, để thực hiện công trình **đường Đ, thành phố B**. Tại thời điểm gia đình bà bị thu hồi đất, khu đất tái định cư được xây dựng tại **xã H, thành phố B** chưa hoàn thành; Năm 2022, khu đất tái định cư tại **xã H** được xây dựng hoàn thiện; nhiều hộ gia đình có đất bị thu hồi tại **xã H**, đã được giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất, theo giá đất tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của **UBND tỉnh Đ**; Gia đình bà, đã nhiều lần làm đơn yêu cầu **UBND thành phố B**, giao cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận với lý do: Gia đình bà còn đất ở khác, trên địa bàn **xã H, thành phố B**. Tuy nhiên, quỹ đất tái định cư trên địa bàn **thành phố B**, hiện nay còn nhiều, chưa được giao cho ai. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì gia đình bà đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND thành phố **Buôn Ma T3**, phải giao cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư, áp dụng giá theo Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của **UBND tỉnh Đ**.

- Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà **Bùi Thị Minh T1** trình bày:

Ngày 12/11/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 7993/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 32-1, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 568,4m² đất của gia đình bà (trong đó có 100m² đất ở), tại **xã H, thành phố B**, để thực hiện công trình **đường Đ, thành phố B**. Tại thời điểm gia đình bà bị thu hồi đất, khu đất tái định cư được xây dựng tại **xã H, thành phố B** chưa hoàn thành; Năm 2022, khu đất tái định cư tại **xã H** được xây dựng hoàn thiện; nhiều hộ gia đình có đất bị thu hồi tại **xã H**, đã được giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất, theo giá đất tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của **UBND tỉnh Đ**; Gia đình bà, đã nhiều lần làm đơn yêu cầu **UBND thành phố B**, giao cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận với lý do: Gia đình bà còn đất ở khác, trên địa bàn **xã H, thành phố B**. Tuy nhiên, quỹ đất tái định cư trên địa bàn **thành phố B**, hiện nay còn nhiều, chưa được giao cho ai. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì gia đình bà đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái

định cư. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND thành phố **Buôn Ma T3**, phải giao cho gia đình bà 01 thửa đất tái định cư, áp dụng giá theo Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của **UBND tỉnh Đ**. Tại phiên tòa, bà **T1** rút yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện người bị kiện **UBND thành phố B** trình bày:

Ngày 07/12/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 8731/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 74, tờ bản đồ số 60, diện tích 123,9m², trong đó có 75m² đất ở, tại **thôn C, xã H, thành phố B** của hộ gia đình bà **Trịnh Thị T**; Ngày 12/11/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 7993/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 44, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 496,3m², trong đó có 146,3 m² đất ở, tại **xã H, thành phố B** của hộ gia đình ông **Nguyễn Ngọc Đ**; Ngày 28/9/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 6819/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 6-1, tờ bản đồ số 58, diện tích 469, 9m², trong đó có 100m² đất ở, tại **xã H, thành phố B** của hộ gia đình bà **Nguyễn Thị H**; Ngày 12/11/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số: 7993/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 32-1, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 568,4 m² đất, trong đó có 100 m² đất ở, tại **xã H, thành phố B** của hộ gia đình bà **T1**; Việc thu hồi 04 thửa đất nêu trên, để xây dựng công trình **đường Đ, xã H, thành phố B**; Gia đình bà **T** bị thu hồi hết đất ở đối với thửa đất số 74 nhưng gia đình bà **T** còn đất ở khác tại **xã H**, là thửa đất số 155B, tờ bản đồ số 06 (gia đình bà **T** nhận chuyển nhượng ngày 29/10/2021); Gia đình ông **Đ**, bà **T1**, bị thu hồi hết đất ở, đối với thửa đất số 44 và thửa đất số 32-1 nhưng gia đình ông **Đ**, bà **T1** còn đất ở khác tại **xã H**, là thửa đất số 412A, tờ bản đồ số 07; Gia đình bà **H** bị thu hồi hết đất ở đối với thửa đất số 6-1 nhưng gia đình bà **H** còn đất ở tại **xã H**, là thửa đất số 570, tờ bản đồ số 55.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NQ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quỹ đất ở tại địa phương, **UBND thành phố B** đã bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất bị thu hồi, không giao đất tái định cư cho 03 hộ gia đình nêu trên, là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trịnh Thị T**, bà **Nguyễn Thị H**, ông **Nguyễn Ngọc Đ** và bà **Bùi Thị Minh T1**.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2024/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số:14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trịnh Thị T**; bà **Nguyễn Thị H**; ông **Nguyễn Ngọc Đ**.

1. Tuyên bố hành vi của **UBND thành phố B**, không giao đất tái định cư cho hộ gia đình bà **Trịnh Thị T**; bà **Nguyễn Thị H**; ông **Nguyễn Ngọc Đ**, là trái pháp luật.

2. Buộc UBND thành phố B, phải ban hành Quyết định giao cho hộ gia đình bà **Trịnh Thị T**; bà **Nguyễn Thị H**; ông **Nguyễn Ngọc Đ**, mỗi hộ gia đình 01 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ (do UBND tỉnh Đ ủy quyền cho UBND thành phố B ban hành).

Áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng Hành chính; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị Minh T1**

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 24-4-2024 UBND thành phố B kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm; lý do kháng cáo là các hộ dân khi thu hồi đất thì vẫn còn thửa đất ở khác ở địa phương xã H, khi thực hiện dự án thì quỹ đất của UBND thành phố B đã có kế hoạch sử dụng cho các dự án khác nên không có đất để xem xét giao cho các Hộ; vì vậy UBND thành phố đã bồi thường bằng tiền là đúng theo quy định tại “điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013 và điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ”.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo cho rằng các hộ dân nêu trên bị thu hồi hết đất ở và phải di chuyển chỗ ở; tuy nhiên các hộ dân này vẫn còn thửa đất ở khác cùng địa phương nên không đủ điều kiện bồi thường về đất; khi bồi thường thì các hộ dân đã đồng ý nhận bồi thường bằng tiền và đã được nhận tiền bồi thường đầy đủ. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Xét kháng cáo của UBND thành phố B: Năm 2021, UBND thành phố B ban hành quyết định: Thu hồi thửa đất số 74, tờ bản đồ số 60, diện tích 123,9m², trong đó có 75m² đất ở, tại thôn C, xã H, thành phố B của hộ gia đình bà **Trịnh Thị T**; Thu hồi thửa đất số 44, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 496,3m², trong đó có 146,3m² đất ở và thu hồi thửa đất số 32-1, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 568,4m² đất, trong đó có 100m² đất ở, tại xã H, thành phố B của hộ gia đình bà **T1**, ông **Đ**; Thu hồi 469,9m² đất, trong đó có 100m² đất ở, thuộc thửa đất số 6-1, tờ bản đồ số 58, tại xã H, thành phố B của gia đình H. Các thửa đất nêu trên được thu hồi toàn bộ để xây dựng công trình đường Đ, xã H, thành phố B. Tại thời điểm thu hồi đất thì khu tái định cư tại xã H, thành phố B đang được xây dựng nhưng chưa hoàn thiện. Khi bị thu hồi đất, 03 hộ gia đình nêu trên, còn thửa đất ở khác trên địa bàn xã H, thành phố B, nên UBND thành phố B bồi thường bằng tiền cho 03 hộ gia đình nêu trên là đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, năm 2022 khu tái định cư tại xã H, thành phố B được xây dựng hoàn thiện và đã tiến hành giao đất Tái định cư cho nhân dân trên địa bàn xã H có đất bị thu hồi, nhưng các hộ dân **Trịnh Thị T**, **Nguyễn Thị H**, **Nguyễn Ngọc Đ** vẫn không được bố trí đất tái định cư. Hiện nay quỹ đất ở trên địa bàn thành phố B còn nhiều; Căn cứ điểm b

khoản 1 Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, thì 03 hộ gia đình nêu trên đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, quyết định của Bản án sơ thẩm là đúng quy định pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xem xét việc thu hồi đất và bồi thường:

Ngày 07/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8731/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 74, tờ bản đồ số 60, diện tích 123,9m², trong đó có 75m² đất ở, tại thôn C, xã H, thành phố B của hộ gia đình bà Trịnh Thị Tuyết .

Ngày 12/11/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 7992/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 44, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 496,3m², trong đó có 146,3m² đất ở, tại xã H, thành phố B của hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Đ.

Ngày 28/9/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 6819/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 6-1, tờ bản đồ số 58, diện tích 469,9m², trong đó có 100m² đất ở, tại xã H, thành phố B của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H.

UBND thành phố B thu hồi 03 thửa đất nêu trên để xây dựng công trình đường Đ, xã H, thành phố B là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Khi thu hồi đất, các hộ gia đình nêu trên đều bị thu hồi hết đất ở tại thửa đất thu hồi, nên thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở; nhưng còn đất ở thửa khác trên địa bàn xã H, nên UBND thành phố B bồi thường bằng tiền cho các hộ gia đình nêu trên là có căn cứ, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất và bồi thường bằng tiền này các hộ dân đều chấp hành và không có khiếu nại, khiếu kiện.

[2] Xem xét yêu cầu được bố trí tái định cư:

Những người khởi kiện bà Trịnh Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc Đ đều có yêu cầu được bố trí tái định cư đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Năm 2022 các khu đất tái định cư tại xã H, thành phố B đã được xây dựng hoàn thành và UBND thành phố B đã tiến hành giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất, cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi tại xã H, theo giá đất được quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ. Từ năm 2022, tỉnh Đắk Lắk có điều kiện về quỹ đất ở, nên ngày 15/3/2022, UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/3/2022.

UBND thành phố B từ chối giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình bà T, bà H, ông Đ, với lý do là những hộ dân này vẫn còn đất ở khác tại địa phương xã H nên không được giao đất Tái định cư.

Tuy nhiên, khi thu hồi đất mà người có đất ở bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường thì phải xem xét các mục “bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” được quy định tại Mục 2 Chương 6 Luật Đất đai.

Người kháng cáo cho rằng khi thu hồi đất đã bồi thường đầy đủ theo quy định tại Điều 79 Luật đất đai và điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NQ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, quy định này là để áp dụng cho việc bồi thường; khi thu hồi đất ở của người dân thì đương nhiên phải bồi thường bằng tiền hoặc bằng đất ở theo quy định tại Điều 79 của Luật đất đai. Việc bồi thường này những người có đất đất thu hồi đều thống nhất nhận tiền xong, không có ý kiến. Người kháng cáo nêu những căn cứ của việc xem xét bồi thường bằng tiền hay bằng đất ở, để áp dụng vào trường hợp bố trí Tái định cư có thu tiền sử dụng đất là không hợp lý.

Những người khởi kiện yêu cầu được bố trí đất Tái định cư, việc xem xét giao đất tái định cư thì phải căn cứ theo quy định tại Điều 86 của Luật đất đai, điều kiện để được tái định cư là “có đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở”. Những người khởi kiện đều bị hồi hết đất nên không thể bố trí tái định cư tại chỗ, đều thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở; trong khi tại địa phương của xã H, thành phố B đang có dự án bố trí đất tái định cư phục vụ cho các Dự án thu hồi đất. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc UBND thành phố B phải bố trí Tái định cư cho những người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm đã đánh giá toàn bộ các tài liệu chứng cứ, tuyên xử quyết định có căn cứ, đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm. Trường hợp bà Bùi Thị Minh T1 đã rút yêu cầu khởi kiện, lý do là cùng hộ với ông Đ; Bản án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Về án phí phúc thẩm người kháng cáo phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2024/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk .

2. Về án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012868 ngày 13-05-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ III-TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long